TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THANH BÌNH** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 111/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 19 – 6 – 2023
V/v tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BÌNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Bạch Phiến.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Liệt;

2. Bà Nguyễn Thị Diệu Hiền.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trịnh Thanh Phong – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Võ Hồng Nhân – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 6 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 99/2023/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 02 năm 2023 về việc "*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 96/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Phạm Phước T, sinh năm 1980.

Địa chỉ đăng ký thường trú: Số E, khóm T, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Chỗ ở hiện nay: E, đường T, xã T, huyện B, thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn:* Chị Nguyễn Kim C, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Số E, khóm T, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Phạm Phước T trình bày:*

Anh Phạm Phước T và chị Nguyễn Kim C chung sống với nhau có tổ chức đám cưới theo phong tục, tập quán tại địa phương vào năm 2001, đăng ký kết hôn

ngày 06/10/2002, tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp. Trước khi kết hôn anh chị có quen biết, tìm hiểu nhau. Việc anh chị kết hôn là tự nguyện, không bị ai cưỡng ép hay lừa dối kết hôn.

Trong thời gian anh chị chung sống với nhau phát sinh nhiều mâu thuẫn, do bất đồng ý kiến về chuyện tiền bạc, chị C ghen tuông vô cớ nên dẫn đến vợ chồng thường xuyên cự cãi. Vợ chồng đã hàn gắn nhiều lần nhưng không được. Hiện nay, anh Phạm Phước T không còn tình cảm vợ chồng với chị Nguyễn Kim C.

Anh Phạm Phước T và chị Nguyễn Kim C có 01 con chung tên Phạm Khánh D, sinh ngày 11/10/2002, đã thành niên, có khả năng lao động.

Anh Phạm Phước T yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

- Về hôn nhân: Anh Phạm Phước T yêu cầu ly hôn với chị Nguyễn Kim C.

- Về con chung: Con chung tên Phạm Khánh D, sinh ngày 11/10/2002 hiện nay đã thành niên, có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Anh T và chị C tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn chị Nguyễn Kim C trình bày:*

Thống nhất lời trình bày của anh Phạm Phước T về quá trình chung sống, kết hôn.

Anh Phạm Phước T và chị Nguyễn Kim C có 01 con chung tên Phạm Khánh D, sinh ngày 11/10/2002, đã thành niên, có khả năng lao động.

Lý do, anh chị mâu thuẫn là do anh T ngoại tình, nên dẫn đến vợ chồng thường xuyên cự cãi. Chị C không đồng ý ly hôn với anh Phạm Phước T, do chị còn thương anh T và con anh chị đang học đại học chị không muốn việc ly hôn của anh chị ảnh hưởng đến tâm lý và việc học của con.

Đối với yêu cầu ly hôn của anh Phạm Phước T, chị Nguyễn Kim C có ý kiến như sau:

- Về hôn nhân: Chị Nguyễn Kim C không đồng ý ly hôn với anh Phạm Phước T.

- Về con chung: Con chung tên Phạm Khánh D, sinh ngày 11/10/2002, đã thành niên, có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Anh T và chị C tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và đương sự thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu

khởi kiện của anh Phạm Phước T: Cho anh Phạm Phước T được ly hôn với chị Nguyễn Kim C; Đối với Phạm Khánh D, sinh ngày 11/10/2002, đã thành niên, có khả năng lao động, nên không xem xét, giải quyết; Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

Tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án gồm:

- Đơn khởi kiện ngày 07/02/2023 của anh Phạm Phước T (bản chính).

- Giấy chứng nhận kết hôn giữa anh Phạm Phước T và chị Nguyễn Kim C (bản chính).

- Giấy khai sinh của Phạm Khánh D (bản sao).

- Biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 23/5/2023 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình.

- Trích lục kết hôn giữa chị Nguyễn Kim C và anh Phạm Phước T (bản sao).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Theo yêu cầu khởi kiện của anh Phạm Phước T và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật đang tranh chấp là tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Chị Nguyễn Kim C cư trú tại khóm T, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án có tiến hành thu thập chứng cứ, nên thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Anh Phạm Phước T và chị Nguyễn Kim C đăng ký kết hôn ngày 06/10/2002, tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp. Việc anh chị kết hôn là tự nguyện, không bị ai cưỡng ép hay lừa dối kết hôn. Việc kết hôn giữa anh Phạm Phước T và chị Nguyễn Kim C là đúng theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

Xét thấy, vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Nhưng trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, anh T xác định không còn tình cảm thương yêu gì đối với chị C, không muốn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng với chị C xây dựng gia đình hạnh phúc; Mặc dù, chị C vẫn còn tình cảm vợ chồng với anh T, muốn hàn gắn đoàn tụ, nhưng anh T vẫn cương quyết ly hôn, không muốn hàn gắn đoàn tụ; Ngoài ra, tại phiên tòa, anh chị đều thừa nhận trong thời gian anh chị chung sống với nhau có xảy ra

hành vi bạo lực gia đình, anh chị thường hay cự cãi do chị C cho rằng anh T ngoại tình, còn chị C hay ghen tuông vô cớ, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn một thời gian dài nhưng không giải quyết được. Điều này chứng minh, hôn nhân giữa anh T và chị C đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Phạm Phước T đối với chị Nguyễn Kim C là phù hợp.

[2.2] Về con chung: Anh Phạm Phước T và chị Nguyễn Kim C có 01 con chung tên Phạm Khánh D, sinh ngày 11/10/2002, đã thành niên, có khả năng lao động, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Trong quá trình giải quyết vụ án, anh T và chị C đều xác định anh chị tự thỏa thuận, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết trong vụ án này; nếu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ được xem xét, giải quyết bằng vụ án khác.

[3] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với quy định pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: Anh Phạm Phước T phải chịu án phí về hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 266, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phạm Phước T.

- Về hôn nhân: Anh Phạm Phước T được ly hôn với chị Nguyễn Kim C.

- Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

- Về án phí:

Anh Phạm Phước T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0016214 ngày 07/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp. Anh Phạm Phước T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Chị Nguyễn Kim C không phải chịu án phí.

Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Thanh Bình;
- Chi cục THADS huyện Thanh Bình;
- UBND xã Tân Phú, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp (ĐKKH số 408, ngày 06/10/2002);
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Bạch Phiến